TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1288/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2022
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Võ Văn Tốt

2. Ông Nguyễn Văn Quản

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lường Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về Tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 824/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 929/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: 14/6Đ ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1984;
Địa chỉ: 3/38 Khu phố 1, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 26/9/2021, bản tự khai đề ngày 17/3/2022, 16/6/2022 cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Tấn T tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 15/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, cả hai cùng cố gắng vun vén xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái nên người. Tuy nhiên đến năm 2014 hai bên bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do mâu thuẫn về kinh tế, hai bên tính tình không còn phù hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi.

Hai bên đã nhiều lần ngồi lại hàn gắn với nhau nhưng vẫn không thể hòa hợp. Đến tháng 3 năm 2020 bà và ông T đã sống ly thân, một mình bà phải nuôi hai con chung mà không có sự hỗ trợ từ phía ông T. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Tấn T.

- Về con chung: có 02 con chung tên:

Huỳnh Thụy Bảo N – Giới tính nữ, sinh ngày 12/3/2012;

Huỳnh Tấn T1 – Giới tính nam, sinh ngày 29/10/2013;

Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà H không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn liên tục vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về ly hôn mà bị đơn cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, nên nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/4/2010 là cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Tấn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Qua lời khai của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T có xảy ra mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hòa hợp và không có cách hàn gắn.

[3.1.1] Bị đơn ông Huỳnh Tấn T được niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết 02 (hai) lần Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không đến tòa để trình bày ý kiến giải quyết mâu thuẫn trong hôn nhân hoặc nguyện vọng được hòa giải đoàn tụ. Đồng thời, việc ông T không đến tòa tức tự khước từ quyền được trình bày những lý lẽ, khước từ quyền được tiếp cận công khai chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ (nếu có) để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật.

[3.1.2] Do ông T không đến tòa, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét và mặc nhiên công nhận lời khai và các tài liệu, chứng cứ mà bà H xuất trình. Theo lời trình bày của bà H thì hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bà H và ông T đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Do vậy, lời trình bày của bà H là cơ sở xác định mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân là có thật, xảy ra thời gian ly thân của hai bên cũng đã lâu mà ông T cũng bỏ mặc mâu thuẫn, không đến tòa để hòa giải cùng bà H tìm ra cách hàn gắn, duy trì hôn nhân.

Từ các phân tích nêu trên, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của bà H và ông T không còn tình cảm duy trì đời sống chung, không thỏa theo nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình thì: Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, do quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng. Đồng thời, vợ chồng còn có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

[3.2] Về con chung: có 02 con chung tên:

Huỳnh Thụy Bảo N – Giới tính nữ, sinh ngày 12/3/2012;

Huỳnh Tấn T1 – Giới tính nam, sinh ngày 29/10/2013;

Bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu này là phù hợp với nguyện vọng của trẻ N, T1 là muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Thu H, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó, sự vắng mặt của ông Huỳnh Tấn T xuyên suốt trong quá trình giải quyết cho đến ngày xét xử sơ thẩm cho thấy ông T không có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, việc bà H chưa yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T là không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, cũng như không có cơ sở xác định làm ảnh hưởng đến lợi ích của con chung.

[3.3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 cho rằng đời sống hôn nhân giữa bà H và ông T mâu thuẫn trầm trọng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H.

Đồng thời, Hội đồng xét xử còn căn cứ vào Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Huỳnh Tấn T.

[3.4] Ngoài ra, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản do bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và đã nộp xong theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022718 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 269, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 2, 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/4/2010 không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Có 02 (hai) con chung tên:

Huỳnh Thụy Bảo N – Giới tính nữ, sinh ngày 12/3/2012;

Huỳnh Tấn T1 – Giới tính nam, sinh ngày 29/10/2013;

Giao 02 con chung là trẻ Huỳnh Thụy Bảo N và trẻ Huỳnh Tấn T1 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Huỳnh Tấn T.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và đã nộp xong theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022718 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường T,
Quận A, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ngân